

CHUYỂN RỦI RO ĐỐI VỚI HÀNG HÓA TRONG CÔNG ƯỚC VIÊN 1980: TIẾP CẬN PHÁP LÝ VÀ KHUYẾN NGHỊ THỰC THI TẠI VIỆT NAM

TRẦN VIẾT LONG* - BUI THI QUỲNH TRANG**

Bài viết phân tích các quy định trong Công ước Viên 1980 về chuyển rủi ro đối với hàng hóa như nội hàm chuyển rủi ro đối với hàng hóa, nghĩa vụ khi chuyển rủi ro, thời điểm chuyển rủi ro qua các điều luật cụ thể. Đồng thời, bài viết so sánh với quy định pháp luật Việt Nam để từ đó khuyến nghị một số giải pháp thực thi có hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Chuyển rủi ro, Công ước Viên 1980, hàng hóa, hợp đồng.

Ngày nhận bài: 29/3/2021; Biên tập xong: 07/4/2021; Duyệt đăng: 10/4/2021

The article analyzes provisions in CISG 1980 relating to the passing of risk such as the principle of the passing of risk, obligations in passing of risk, time of the passing of risk. Furthermore, by comparison to Vietnamese regulations, it provides some effective implementation solutions in Vietnam.

Keywords: Passing of risk, CISG 1980, goods, contract.

Nhà nay, thương mại quốc tế đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, đi cùng với sự phát triển nhanh chóng của hoạt động thương mại quốc tế là các rủi ro sẽ xảy đến với các thương nhân, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến hàng hóa trong các giao dịch liên quan đến hợp đồng. Do đó, xác định trách nhiệm, nghĩa vụ và phân định rủi ro là một trong những vấn đề pháp lý quan trọng trong quá trình đàm phán, giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Từ năm 1951, một Ủy ban đặc biệt do Hội nghị Hague chỉ định để thực hiện việc sửa đổi Luật thống nhất về mua bán hàng hóa quốc tế đã báo cáo rằng rủi ro đối với hàng hóa là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà các nhà soạn thảo cần phải xét đến¹. Theo đó, nội dung liên quan đến chuyển rủi ro đối với hàng hóa trở thành một trong những vấn đề trọng tâm trong quá trình sửa đổi Luật thống nhất về mua bán hàng hóa quốc tế. Những yếu tố này được đặc biệt chú trọng trong quá trình soạn thảo Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Công ước là một trong những nỗ lực thành công nhất trong việc thống nhất pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Đặc biệt, Công ước Viên 1980 đã xây dựng được một hệ thống các nguyên tắc xác định vấn đề chuyển rủi ro đối với hàng hóa tại Chương IV, tạo ra cơ sở pháp

lý quan trọng cho các bên trong quá trình “phân bổ” rủi ro khi thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế.

1. Quy định của Công ước Viên 1980 về chuyển rủi ro đối với hàng hóa

1.1. Nguyên tắc chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Nguyên tắc chuyển rủi ro đối với hàng hóa được quy định tại Điều 66 của Công ước Viên 1980 như sau: “Việc mất mát hay hư hỏng hàng hóa xảy ra sau khi rủi ro chuyển sang người mua không miễn trừ cho người này nghĩa vụ phải trả tiền, trừ phi việc mất mát hay hư hỏng ấy là do hành động của người bán gây nên”.

Về nguyên tắc, rủi ro đối với hàng hóa sẽ được chuyển giao từ người bán sang người mua tại một thời điểm nhất định. Theo đó, sau thời điểm này, người mua phải chịu trách nhiệm liên quan đến hàng hóa đó trong mọi hoàn cảnh, trừ trường hợp người mua chứng minh được rủi ro đối với hàng hóa đó xuất phát từ lỗi của người bán. Như vậy, Điều 66 Công ước Viên 1980 quy định hai vấn đề trong quá trình chuyển rủi ro đối với hàng hóa, bao gồm hậu quả pháp lý và giới hạn trách nhiệm.

* Tiến sĩ, Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế

** Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế

¹ P.M. Roth (1979), *The Passing of Risk*. Nguồn truy cập: <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/roth.html>, truy cập ngày 03/09/2020.

Thứ nhất, về hậu quả pháp lý

Theo quy định tại Điều 66 Công ước Viên 1980, khi rủi ro đã được chuyển giao từ người bán sang người mua, người mua phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho người bán theo đúng hợp đồng đã giao kết cho dù hàng hóa đang ở tình trạng mất mát hoặc hư hỏng. Nói cách khác, người mua sẽ không thể viện dẫn khoản 1 Điều 58 của Công ước để từ chối thanh toán tiền hàng với lý do người bán không giao hàng theo quy định trong hợp đồng.

Bên cạnh đó, người mua cũng mất quyền khởi kiện người bán với các cáo buộc như: Người bán đã vi phạm Điều 25 của Công ước Viên 1980 khi “phá vỡ các kỳ vọng” chính đáng của người mua theo hợp đồng hoặc người mua không thể áp dụng các chế tài cáo buộc người bán vi phạm hợp đồng hay thậm chí áp dụng Điều 50 của Công ước nhằm yêu cầu giảm giá đối với hàng hóa bị hư hỏng, mất mát.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính công bằng và bảo vệ lợi ích tối ưu cho các bên tham gia hợp đồng, Công ước Viên 1980 vẫn xây dựng các nguyên tắc giới hạn trách nhiệm nhằm giải phóng người mua thoát khỏi nghĩa vụ thanh toán trong trường hợp chuyển rủi ro đối với hàng hóa.

Thứ hai, về giới hạn trách nhiệm

Quy định cốt lõi của nguyên tắc giới hạn trách nhiệm chính là khái niệm “rủi ro”, tức là xác định những loại rủi ro nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 66 Công ước Viên 1980.

Mặc dù Công ước không đưa ra bất kỳ giải thích nào về khái niệm “rủi ro” nhưng việc sử dụng cụm từ “mất mát hoặc hư hỏng đối với hàng hóa” tại Điều 66 cũng đã chỉ rõ xu hướng của Công ước trong việc xác định nội hàm của khái niệm rủi ro. Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) cũng đưa ra một số giải thích cụ thể về các trường hợp mất mát hoặc hư hỏng đối với hàng hóa được đúc rút từ hệ thống các án lệ về Công ước Viên 1980.

Mất mát hàng hóa là trường hợp hàng hóa không thể tìm thấy, bị trộm hoặc bị chuyển giao cho một chủ thể khác. Thậm chí, trong một số trường hợp, hàng hóa bị lẫn lộn với các loại hàng hóa khác mà không thể xác định cũng được xem là mất mát. Hư hỏng hàng hóa bao gồm trường hợp hàng hóa bị phá hủy toàn bộ, chịu những tác động khách quan

bên ngoài như thời tiết dẫn đến giảm sút chất lượng, hàng hóa bị hao hụt do tính chất trong quá trình vận chuyển hoặc lưu trữ.

Có thể nhận thấy, những loại rủi ro thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 66 bắt buộc phải liên quan trực tiếp đến đặc tính vật lý của hàng hóa và phát sinh từ những sự kiện khách quan nằm ngoài ý chí chủ quan của người bán. Do đó, một số trường hợp sẽ bị loại trừ khỏi phạm vi rủi ro được xác định tại Điều 66, bao gồm hành động của Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền như tịch thu hàng hóa hoặc ban hành lệnh cấm nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa, hay các rủi ro kinh tế như biến động giá cả trên thị trường cũng không thuộc trường hợp này.

Ngoài ra, nguyên tắc giới hạn trách nhiệm tại Điều 66 cũng loại trừ trách nhiệm của người mua liên quan đến rủi ro đối với hàng hóa là do “hành động hoặc sơ suất” của người bán gây ra. Trong một số vụ việc liên quan đến tranh chấp hợp đồng mua bán hóa chất, Trọng tài nhận thấy rằng người bán đã cung cấp sai thông tin về nhiệt độ bảo quản hóa chất cho người vận chuyển, dẫn đến trường hợp hóa chất bị hư hỏng do nhiệt độ bảo quản không phù hợp, vì vậy, người bán phải chịu trách nhiệm đối với những mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa². Tuy nhiên, cụm từ “hành động hoặc sơ suất” tại Điều 66 cũng gây ra khá nhiều tranh cãi trong quá trình giải thích và áp dụng Công ước Viên 1980. Câu hỏi được nhiều học giả đặt ra là liệu rằng những “hành động hoặc sơ suất” của người bán theo quy định tại Điều 66 có bao gồm tất cả các hành động của người bán hay chỉ bao gồm những hành động cấu thành các hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng? Theo bình luận của Ban thư ký về Điều 78 của Bản dự thảo 1978 (sau này là Điều 66 của CISG 1980)³, Điều 66 không chỉ hướng đến các hành động hoặc sơ suất của người bán mà cấu thành một vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Nguyên tắc này của Điều

² CLOUT case No.683 (1999), CIETAC Arbitration, China. Nguồn truy cập: <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/990000c1.html>, truy cập ngày 05/09/2020.

³ Michiel Buydaert (2013), Master Thesis “The Passing of Risk in the international sale of goods: A comparison between the CISG and the Incoterms”. Nguồn truy cập: https://lib.ugent.be/fulltxt/RUG01/002/060/824/RUG01002060824_2013_0001_AC.pdf, truy cập ngày 05/09/2020.

66 phải được giải thích theo nghĩa rộng, tức là bất kỳ hành động của người bán vi phạm các nghĩa vụ pháp lý theo quy định của Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và dẫn đến những mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa đều thuộc trường hợp “hành động hoặc sơ suất” nêu trên.

1.2. Thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa là một trong những vấn đề phức tạp nhất trong quá trình soạn thảo Công ước Viên 1980 bởi vì mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa. Khoa học pháp lý ghi nhận ba học thuyết về thời điểm chuyển rủi ro như sau⁴:

Một là, học thuyết được sử dụng trong hệ thống pháp luật của Thụy Sĩ, Hà Lan và Tây Ban Nha. Theo học thuyết này, thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa được xác định là thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, học thuyết này được đánh giá là không phù hợp với thực tiễn, bởi lẽ tại thời điểm ký kết hợp đồng, hàng hóa vẫn nằm dưới quyền kiểm soát của người bán nhưng rủi ro đối với hàng hóa thì đã chuyển giao cho người mua. Như vậy, áp dụng nguyên tắc này không đảm bảo tính công bằng cho người mua trong giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế.

Hai là, học thuyết được sử dụng trong hệ thống pháp luật của Pháp và Anh, đó là thời điểm chuyển giao rủi ro đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu. Nói cách khác, người sở hữu hàng hóa tại thời điểm hàng hóa bị phá hủy hoặc mất mát là người phải chịu tổn thất. Tuy nhiên, trên thực tế, đặc biệt đối với các giao dịch thương mại quốc tế, quyền sở hữu hàng hóa không có mối quan hệ với khái niệm rủi ro, bởi vì người bán thông thường sẽ giao hàng cho người vận chuyển nhưng không chuyển giao các giấy tờ về quyền sở hữu cho đến khi người mua thực hiện xong thủ tục thanh toán. Như vậy, trong một số trường hợp người bán phải chịu rủi ro đối với hàng hóa đang nằm dưới sự kiểm soát của người mua.

Ba là, học thuyết được sử dụng trong hệ thống pháp luật của Đức gắn thời điểm

chuyển rủi ro với thời điểm chuyển giao hàng hóa, tức là bên nào quản lý hàng hóa trên thực tế sẽ phải chịu rủi ro. Học thuyết này cho thấy những điểm ưu việt hơn so với hai học thuyết còn lại, bởi lẽ bên nào chiếm hữu hàng hóa trên thực tế sẽ có điều kiện tốt hơn để bảo vệ hàng hóa cũng như thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục những rủi ro đã xảy ra đến đối với hàng hóa.

Các học thuyết nêu trên không thể giải quyết một cách triệt để các vấn đề đặt ra. Do đó, Công ước Viên 1980 đã nỗ lực để hài hòa hóa các học thuyết về thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thông qua các quy định tại Điều 67 đến Điều 69.

1.2.1. Thời điểm chuyển rủi ro đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có quy định về vận chuyển hàng hóa (Điều 67)

Điều 67 Công ước Viên 1980 được áp dụng để xác định thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa khi hợp đồng mua bán có quy định về vận chuyển hàng hóa. Giải thích khái niệm “hợp đồng có quy định về vận chuyển”, một số học giả cho rằng hợp đồng phải chứa một điều khoản rõ ràng hoặc ẩn ý về nghĩa vụ vận chuyển hàng hóa của người bán hoặc người mua⁵. Điều khoản này có thể quy định rõ ràng rằng hàng hóa sẽ được vận chuyển bởi một nhà vận chuyển với nội dung cụ thể về cách thức vận chuyển hoặc trong một số trường hợp điều khoản này chỉ quy định rằng hàng hóa sẽ được vận chuyển cho người mua theo hợp đồng. Tuy nhiên, điều khoản này xây dựng hai quy tắc để xác định thời điểm chuyển rủi ro hàng hóa phù hợp với hai tình huống nhất định: (i) Quy tắc “người vận chuyển đầu tiên” và (ii) Quy tắc “địa điểm xác định”.

Thứ nhất, quy tắc “người vận chuyển đầu tiên”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Công ước Viên 1980, quy tắc “người vận chuyển đầu tiên” được áp dụng trong trường hợp người bán không có nghĩa vụ giao hàng tại một địa điểm xác định và rủi ro được chuyển cho người mua tại thời điểm hàng hóa được giao cho người vận chuyển đầu tiên. Nội hàm của khái niệm “người vận chuyển” là vấn đề

⁴ Romein, A. (1999), *The passing of risk a comparison between the passing of risk under the CISG and German law*. Nguồn truy cập: <http://www.cisg.law.pace.edu/cisg/giglio/romein.html>, truy cập ngày 05/09/2020.

⁵ Annotated Text of CISG, Article 67. Nguồn truy cập: <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/text/e-text-67.html>, truy cập ngày 09/09/2020.

gây ra khá nhiều tranh cãi trong thực tiễn giải quyết tranh chấp liên quan đến chuyển rủi ro hàng hóa trong hợp đồng mua bán. Mặc dù Công ước không quy định rõ ràng “người vận chuyển” nhưng người vận chuyển theo quy định này phải là một người vận chuyển độc lập⁶. Theo đó, nếu người bán tự mình hoặc thông qua nhân viên của mình để vận chuyển hàng hóa cho người mua theo hợp đồng thì người bán vẫn phải chịu rủi ro đối với hàng hóa. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi người bán sử dụng một tổ chức vận chuyển là công ty con của người bán nhưng là một pháp nhân độc lập được thành lập hợp pháp thì khoản 1 Điều 67 vẫn được áp dụng để xác định thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa.

Thứ hai, quy tắc “địa điểm xác định”

Quy tắc này được áp dụng trong trường hợp người bán có nghĩa vụ giao hàng cho một người vận chuyển tại một địa điểm xác định và theo đó, thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa được xác định là thời điểm hàng hóa được giao cho người vận chuyển tại địa điểm đó. “Người vận chuyển” trong trường hợp này cũng được hiểu tương tự như quy tắc “người vận chuyển đầu tiên”, tức là người vận chuyển độc lập. Tuy nhiên, trong trường hợp này, hàng hóa sẽ trải qua một lần vận chuyển trung gian từ cơ sở của người bán đến địa điểm xác định thông qua một người vận chuyển khác, người vận chuyển này có mối quan hệ mật thiết với người bán và theo ủy quyền của người bán thực hiện quá trình vận chuyển trung gian. Có thể thấy, trong quá trình vận chuyển trung gian này, người bán vẫn phải gánh chịu những rủi ro đối với hàng hóa bởi lẽ hàng hóa vẫn đang nằm trong sự kiểm soát hoàn toàn của người bán về cả mặt pháp lý cũng như thực định.

Ngoài ra, Điều 67 cũng quy định một trường hợp ngoại lệ đối với hai quy tắc xác định thời điểm chuyển rủi ro liên quan đến hàng hóa không xác định. Cụ thể, theo quy định tại khoản 2 Điều 67, rủi ro không được chuyển cho người mua cho đến khi hàng hóa được xác định rõ là hàng hóa cung cấp cho hợp đồng đã được ký kết bởi người bán và

người mua. Quy tắc này cũng được ghi nhận trong nhiều hệ thống pháp luật như Pháp, Hoa Kỳ...⁷ Hàng hóa trong hoạt động thương mại quốc tế thông thường sẽ được vận chuyển với số lượng lớn để phục vụ cho nhiều hợp đồng khác nhau. Nếu một phần hàng hóa vô tình bị mất mát hoặc hư hỏng nhưng chưa xác định được là đối tượng của hợp đồng mua bán nào thì quy định này sẽ ngăn cản việc người bán khai gian dối rằng hàng hóa bị mất mát hoặc hư hỏng đó là đối tượng của hợp đồng với người mua. Nói cách khác, quy định này là một nỗ lực để bảo vệ người mua trước những cáo buộc sai lệch của người bán về hàng hóa bị mất mát hoặc hư hỏng. Do đó, hàng hóa là đối tượng của hợp đồng mua bán phải được xác định rõ ràng bằng cách sử dụng ký hiệu, mã hiệu trên hàng hóa, chứng từ vận chuyển, thông báo cho người mua hoặc các hình thức khác.

1.2.2. Thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa đang trên đường vận chuyển (Điều 68)

Điều 68 Công ước Viên 1980 quy định về nguyên tắc, đối với hợp đồng mua bán mà đối tượng là hàng hóa đang trên đường vận chuyển, rủi ro đối với hàng hóa sẽ được chuyển cho người mua vào thời điểm giao kết hợp đồng. Quy định này dẫn đến một số khó khăn trong quá trình áp dụng, bởi vì trong hầu hết các trường hợp xảy ra mất mát hoặc hư hỏng đối với hàng hóa đang trên đường vận chuyển, rất khó để xác định được những sự kiện đó xảy ra trước hay sau thời điểm ký kết hợp đồng, đặc biệt là đối với những mất mát hoặc hư hỏng do việc thấm nước hoặc nhiệt độ quá cao.

Tuy nhiên, có những hoàn cảnh chỉ ra một thỏa thuận ngầm rằng người mua phải chịu rủi ro từ thời điểm hàng hóa được giao cho người vận chuyển là người đã phát chứng từ xác nhận một hợp đồng vận chuyển. Đây được xem là một ngoại lệ khá quan trọng của nguyên tắc chuyển rủi ro đối với hàng được bán khi đang vận chuyển – “ngoại lệ hồi tố”. Ngoại lệ này yêu cầu người mua phải gánh

⁶ Peter Schlechtriem (1986), *Uniform Sales Law - The UN-Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, J. C. B. Mohr (Paul Siebeck) Publishing House, Germany, pp.88.

⁷ Anwar A.A. Aboukdir (2017), *The timing of the passing of property and risk under the English Sale of Good Act 1979, the CISG and the Libyan law – the interplay between the principle of party autonomy and the default rule*. Nguồn truy cập: <https://pdfs.semanticscholar.org/85c0/629286583d86221b69146376991c4220dd91.pdf>, truy cập ngày 09/09/2020.

chịu những rủi ro đối với hàng hóa trước thời điểm hợp đồng mua bán được ký kết với điều kiện giữa các bên có tồn tại một thỏa thuận thể hiện điều này. Khi giải thích ngoại lệ này, các học giả nhấn mạnh đến yếu tố thỏa thuận của các bên. Theo đó, không nhất thiết phải là một thỏa thuận rõ ràng thể hiện bằng một điều khoản mà có thể là trường hợp các bên hoàn tất việc mua bán bằng cách chuyển đến cho người mua bộ tài liệu tiêu chuẩn, trong đó bao gồm cả hợp đồng bảo hiểm, tức là người mua đã tiếp quản chính sách bảo hiểm đối với hàng hóa từ người bán. Do đó, việc chuyển giao này thể hiện ý định chuyển cho người mua toàn bộ rủi ro của chuyển đi kể từ thời điểm hàng hóa được giao cho người vận chuyển⁸.

Ngoài ra, Điều 68 Công ước Viên 1980 cũng quy định một trường hợp ngoại lệ khác liên quan đến trách nhiệm của người bán về những rủi ro đối với hàng hóa đang trên đường vận chuyển. Nếu tại thời điểm ký kết hợp đồng, người bán biết hoặc phải biết hàng hóa đã bị mất mát hoặc hư hỏng nhưng vẫn không thông báo cho người mua thì người bán phải chịu trách nhiệm đối với những mất mát hoặc hư hỏng đó.

1.2.3. Thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong các trường hợp còn lại (Điều 69)

Sau khi giải quyết các trường hợp liên quan đến hợp đồng mua bán có quy định về vận chuyển tại Điều 67 và hợp đồng mua bán có đối tượng là hàng hóa đang trên đường vận chuyển tại Điều 68, Công ước Viên 1980 quy định các trường hợp không nằm trong phạm vi điều chỉnh của hai điều khoản này bằng các nguyên tắc còn lại tại Điều 69. Theo đó, Điều 69 thông thường được áp dụng đối với các hợp đồng mua bán hàng hóa không quy định về vận chuyển (thông qua một người vận chuyển độc lập)⁹. Ví dụ, trong một hợp đồng mua bán giữa người bán Áo và người mua Bulgaria có chứa một điều khoản, trong đó, bên bán đồng

ý sẽ tự mình giao hàng đến địa điểm kinh doanh của người mua tại Bulgaria, Trọng tài đã áp dụng quy định tại Điều 69 để xác định thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa. Trong trường hợp này, hợp đồng không có quy định về việc vận chuyển hàng hóa bởi một bên vận chuyển độc lập, do đó, không thuộc phạm vi áp dụng của Điều 67 Công ước Viên 1980.

Điều 69 xây dựng các nguyên tắc xác định thời điểm chuyển rủi ro trong hai trường hợp sau đây:

Thứ nhất, trường hợp người mua có nghĩa vụ nhận hàng tại địa điểm kinh doanh của người bán (khoản 1 Điều 69)

Khi hàng hóa được giao tại địa điểm kinh doanh của người bán, theo quy định tại khoản 1 Điều 69, rủi ro được chuyển giao cho người mua vào thời điểm họ nhận hàng. Trong trường hợp người mua ủy quyền cho một người vận chuyển nghĩa vụ nhận hàng, thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa vẫn là thời điểm người này nhận hàng tại địa điểm kinh doanh của người bán¹⁰.

Ngoài ra, nếu người mua không nhận hàng đúng thời hạn trong hợp đồng, khoản 1 Điều 69 quy định rằng rủi ro sẽ được chuyển cho người mua vào thời điểm hàng hóa được đặt dưới quyền định đoạt của người mua với điều kiện việc người mua không nhận hàng cấu thành một vi phạm hợp đồng.

Như vậy, nguyên tắc chung khi xác định thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa tại Điều 69 là người mua sẽ phải chịu trách nhiệm đối với những rủi ro khi hàng hóa đã nằm trong sự kiểm soát của người mua “trên thực tế” đối với trường hợp người mua nhận hàng đúng thời hạn hoặc nằm trong sự kiểm soát của người mua “trên pháp lý” đối với trường hợp người mua nhận hàng không đúng thời hạn. Liên quan đến trường hợp thứ hai, khi người mua vi phạm nghĩa vụ nhận hàng, Công ước Viên bảo vệ người bán bằng cách quy định thời điểm chuyển rủi ro khi người bán đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và thông báo cho người mua được biết, hàng hóa lúc này đã thuộc quyền định đoạt của người mua về mặt pháp lý. Người bán hoàn thành nghĩa vụ giao hàng được hiểu là

⁸ John O. Honnold (1999), *Uniform Law for International Sales under the 1980 United Nations Convention*, 3rd edition, pp. 409-412. Nguồn truy cập: <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/ho68.html>, truy cập ngày 09/09/2020.

⁹ Sylvain Bollée (1999 – 2000), *The Theory of Risks in the 1980 Vienna Sale of Goods Convention*, pp. 245-259. Nguồn truy cập: <https://www.cisg.law.pace.edu/cisg/biblio/bollee.html>, truy cập ngày 09/09/2020.

¹⁰ Stallion case, Oberlandesgericht Schleswig-Holstein, Germany, 29 October 2002. Nguồn truy cập: <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/021029g1.html>, truy cập ngày 09/09/2020.

việc người bán đã thực hiện mọi biện pháp cần thiết để hàng hóa ở “trạng thái sẵn sàng” cho phép người mua nhận hàng. Ví dụ, một tòa án ở Đức lập luận rằng hàng hóa không nằm dưới quyền định đoạt của người mua khi chúng được lưu trữ trong kho của nhà sản xuất chứ không phải trong kho của người bán tại thời điểm thực hiện việc giao hàng theo hợp đồng¹¹.

Thứ hai, trường hợp người mua có nghĩa vụ nhận hàng tại một địa điểm khác (khoản 2 Điều 69)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69, nếu người mua có nghĩa vụ nhận hàng tại một địa điểm khác ngoài địa điểm kinh doanh của người bán như kho lưu hàng của một bên thứ ba hoặc địa điểm kinh doanh của người mua, rủi ro đối với hàng hóa sẽ được chuyển giao cho người mua tại thời điểm giao hàng nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

Một là, việc giao hàng thực hiện theo thời hạn trong hợp đồng

Với điều kiện này, người mua sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với những rủi ro phát sinh trước thời điểm giao hàng. Trong trường hợp người bán thực hiện nghĩa vụ giao hàng trước thời hạn, về nguyên tắc, người mua không có nghĩa vụ phải nhận hàng vào thời điểm đó. Tuy nhiên, người mua vẫn có thể lựa chọn chấp nhận việc giao hàng trước thời hạn, theo đó, khi đã chọn nhận hàng thì người mua phải chịu rủi ro kể từ thời điểm nhận hàng.

Hai là, hàng hóa phải được đặt dưới quyền định đoạt của người mua

Điều kiện này yêu cầu người bán phải thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để người mua có thể sở hữu hàng hóa. Thông thường, người bán phải hoàn thành việc xác định hàng hóa được giao hoặc hoàn thành công tác chuẩn bị trước khi giao hàng như đóng gói đúng quy cách hoặc gửi thông báo cho người mua. Ví dụ, nếu hàng hóa đang được lưu tại kho hàng của một bên thứ ba thì người bán phải hướng dẫn cho người giữ kho về việc giao hàng cho người mua hoặc cung cấp cho người mua một lệnh giao hàng hiệu quả để người mua luôn có thể nhận hàng tại kho.

Ba là, người mua phải nhận thức được rằng hàng hóa đã được đặt dưới quyền định đoạt của họ

Người bán phải đảm bảo người mua biết rằng hàng hóa đã được đặt dưới quyền định đoạt của người mua bằng cách chuyển giao các tài liệu liên quan đến hàng hóa cho người mua hoặc gửi cho người mua một thông báo về việc giao hàng. Trong trường hợp người bán thông báo cho người mua về việc hàng hóa đã được đặt dưới quyền định đoạt của họ, một số học giả cho rằng thông báo này chỉ có hiệu lực khi nó đã “đến tay” người mua, tức là hiệu lực của thông báo này phải được xác định theo thuyết “tiếp thu”. Một tòa án ở Đức cũng ủng hộ quan điểm này khi cho rằng người mua không phải chịu trách nhiệm đối với việc hàng hóa bị mất do người mua không nhận được thông báo của người bán về việc hàng hóa đã được chuẩn bị sẵn sàng tại kho Hungary¹². Tuy nhiên, đối với các hợp đồng có sự thỏa thuận rõ ràng về thời gian giao hàng cụ thể thì người bán không cần thiết phải đảm bảo thông báo này phải đến tay người mua bởi lẽ người mua đã biết và phải biết về thời điểm hàng hóa được đặt dưới quyền định đoạt của mình.

2. Thực tiễn áp dụng quy định về chuyển rủi ro đối với hàng hóa tại Việt Nam

Chuyển rủi ro đối với hàng hóa là một trong những vấn đề quan trọng đối với hoạt động mua bán hàng hóa nói chung và mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng, do đó pháp luật Việt Nam đã xây dựng hệ thống các quy định điều chỉnh vấn đề này trong Luật thương mại. Vấn đề chuyển rủi ro đối với hàng hóa được quy định cụ thể tại Luật thương mại năm 2005 từ Điều 57 đến Điều 61, bao gồm các trường hợp sau đây:

Thứ nhất, chuyển rủi ro trong trường hợp có địa điểm giao hàng xác định

Theo quy định tại Điều 57, nếu bên bán có nghĩa vụ giao hàng cho bên mua tại một địa điểm nhất định thì rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa được chuyển cho bên mua khi hàng hóa được chuyển cho bên mua hoặc người được bên mua ủy quyền đã nhận hàng tại địa điểm đó.

Thứ hai, chuyển rủi ro trong trường hợp không có địa điểm giao hàng xác định

¹¹ CLOUT case No. 338 (23 June 1998), Oberlandesgericht Hamm, Germany. Nguồn truy cập: <http://www.cisg.law.pace.edu>, truy cập ngày 09/09/2020.

¹² CLOUT case No. 338 (23 June 1998), Oberlandesgericht Hamm, Germany. Nguồn truy cập: <http://www.cisg.law.pace.edu>, truy cập ngày 09/09/2020.

Theo quy định tại Điều 58, nếu hợp đồng có quy định về việc vận chuyển hàng hóa và bên bán không có nghĩa vụ giao hàng tại một địa điểm nhất định thì rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa được chuyển cho bên mua khi hàng hóa được giao cho người vận chuyển đầu tiên.

Quy định của Luật thương mại năm 2005 trong hai trường hợp chuyển rủi ro nêu trên có sự tương thích với quy định tại Điều 67 của Công ước Viên 1980. Tuy nhiên, trong cùng điều khoản này, Công ước nhấn mạnh về tính đặc định của hàng là điều kiện tiên quyết để xác định thời điểm chuyển rủi ro trong các trường hợp nêu trên. Trong khi đó, Luật Thương mại năm 2005 tách riêng quy định về đặc định hàng hóa thành một trường hợp chuyển rủi ro riêng biệt. Việc sắp xếp cấu trúc này dẫn đến cách hiểu là yếu tố đặc định của hàng hóa không liên quan đến hai trường hợp chuyển rủi ro tại Điều 67 Công ước Viên 1980 và Điều 57 của Luật thương mại năm 2005.

Thứ ba, chuyển rủi ro trong trường hợp giao hàng cho người nhận hàng để giao mà không phải là người vận chuyển

Theo quy định tại Điều 59 Luật thương mại năm 2005, nếu hàng hóa đang được người nhận hàng để giao nắm giữ mà không phải là người vận chuyển thì rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa được chuyển giao cho bên mua thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Khi bên mua nhận được chứng từ sở hữu hàng hóa; (ii) Khi người nhận hàng để giao xác nhận quyền chiếm hữu hàng hóa của bên mua.

Thứ tư, chuyển rủi ro trong trường hợp mua bán hàng hóa đang trên đường vận chuyển

Theo quy định tại Điều 60 Luật thương mại năm 2005, trong trường hợp đối tượng của hợp đồng là hàng hóa đang trên đường vận chuyển thì rủi ro về mất mát và hư hỏng hàng hóa được chuyển cho bên mua kể từ khi giao kết hợp đồng.

Điều 60 nêu trên tương đồng với nguyên tắc chung của Công ước Viên 1980 về trường hợp chuyển rủi ro đối với hàng hóa đang trên đường vận chuyển. Việc xác định thời điểm rủi ro được chuyển sang người mua trở nên dễ dàng hơn khi gắn liền với thời điểm giao kết hợp đồng, tuy nhiên, dưới góc độ thực tiễn, quy định này chưa thực sự phù hợp. Bởi lẽ, rủi ro có thể phát sinh kể từ thời điểm hàng

hóa không còn nằm trong tầm kiểm soát của người bán, tức là thời điểm hàng hóa được người bán giao cho người vận chuyển và rất có thể hàng hóa bị hư hỏng trước thời điểm ký kết hợp đồng. Công ước Viên đã giải quyết trường hợp này bằng một ngoại lệ hồi tố tại Điều 68 đã được phân tích ở phần trên. Ngoài ra, Luật thương mại năm 2005 cũng bỏ ngỏ trường hợp liên quan đến trách nhiệm của người bán đối với người mua khi người bán biết hoặc phải biết về rủi ro đối với hàng hóa. Đây là một lỗ hổng của Luật thương mại Việt Nam, người bán không thể được giải phóng khỏi trách nhiệm của mình nếu họ đã biết tình trạng mất mát hoặc hư hỏng của hàng hóa nhưng vẫn im lặng để chuyển giao cho người mua. Điều này đi ngược lại với nguyên tắc thiện chí của luật hợp đồng.

Thứ năm, chuyển rủi ro trong các trường hợp khác

Theo quy định tại Điều 61, trong trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 57, 58, 59 và 60, rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa được chuyển cho bên mua kể từ thời điểm hàng hóa thuộc quyền định đoạt của bên mua và bên mua vi phạm hợp đồng do không nhận hàng. Nhận thấy, quy định này của Luật thương mại khá tương đồng với Điều 69 của Công ước Viên 1980 khi xác định thời điểm chuyển rủi ro dựa trên nguyên tắc xác định quyền định đoạt của người mua đối với hàng hóa về mặt pháp lý. Tuy nhiên, quy định này của Luật thương mại năm 2005 chỉ là một trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 69 của Công ước.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam về chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong hợp đồng mua bán đã có những tiệm cận rất lớn với các quy định của Công ước Viên 1980. Tương tự Công ước, Luật thương mại không định nghĩa cụ thể về khái niệm rủi ro, nhưng thông qua cách sử dụng ngôn từ trong các điều luật cho thấy văn bản này cũng tiếp cận rủi ro dưới dạng những mất mát hoặc hư hỏng đối với hàng hóa. Ngoài ra, Luật thương mại cũng xây dựng nguyên tắc chung đối với vấn đề chuyển rủi ro đối với hàng hóa trên tinh thần bên nào có vị thế tốt hơn hoặc chịu trách nhiệm trong việc kiểm soát hàng hóa thì bên đó phải gánh chịu rủi ro. Luật cũng yêu cầu về tính đặc định của hàng hóa khi xác định thời điểm chuyển rủi ro trong hợp đồng mua bán. Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam cũng bộc lộ một số điểm

hạn chế so với các quy định của Công ước Viên 1980 về thời điểm chuyển rủi ro. Điều này có thể gây khó khăn cho các bên trong quá trình áp dụng trên thực tế. Tuy nhiên, đến nay, Việt Nam đã là thành viên của Công ước nên Công ước trở thành nội luật của Việt Nam và được áp dụng cho các quan hệ mua bán hàng hóa giữa thương nhân Việt Nam và nước ngoài. Điều này sẽ hỗ trợ rất lớn cho các thương nhân trong việc phân bổ rủi ro khi tham gia các quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế.

3. Một số khuyến nghị

Trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, điều khoản về chuyển rủi ro đối với hàng hóa là một trong những điều khoản quan trọng mà các bên cần xem xét kỹ lưỡng khi đàm phán và ký kết hợp đồng. Công ước Viên 1980 là công cụ pháp lý chính điều chỉnh vấn đề chuyển rủi ro đối với hàng hóa trong giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế nếu được áp dụng liên quan đến hợp đồng. Qua phân tích các quy định của Công ước Viên 1980 về vấn đề chuyển rủi ro và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm thực thi có hiệu quả các quy định ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, mặc nhiên áp dụng Công ước Viên 1980 đối với những hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa thương nhân Việt Nam và thương nhân của một quốc gia thành viên Công ước (trừ trường hợp xác định rõ trong hợp đồng không áp dụng Công ước). Tuy nhiên, Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam đều tôn trọng nguyên tắc tự do hợp đồng, vì vậy, các bên nên thỏa thuận về các vấn đề liên quan đến chuyển rủi ro đối với hàng hóa, đặc biệt là xác định thời điểm chuyển rủi ro cho phù hợp với hoàn cảnh của giao dịch mua bán. Điều này đóng vai trò quan trọng, xác định thời điểm càng cụ thể thì các rủi ro liên quan càng được kiểm soát.

Thứ hai, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, bên cạnh Công ước Viên 1980, trong hệ thống pháp luật thương mại quốc tế còn tồn tại một số văn bản pháp lý được xây dựng từ các tập quán thương mại quy định về vấn đề chuyển rủi ro đối với hàng hóa như Incoterms. Tuy nhiên, Incoterms là tập quán quốc tế, do đó các bên phải dẫn chiếu các quy tắc này trong hợp đồng thì mới đủ căn cứ xác định để thời điểm chuyển rủi ro đối với hàng hóa.

Thứ ba, trong trường hợp áp dụng các quy

định của Công ước Viên 1980 để phân bổ rủi ro khi có tranh chấp xảy ra, người mua phải xác định đúng phạm vi rủi ro đối với hàng hóa mà người mua phải gánh chịu. Trong mọi trường hợp, người mua chỉ có trách nhiệm đối với những rủi ro về mất mát hoặc hư hỏng về hàng hóa do những nguyên nhân khách quan gây ra, nếu những thiệt hại đó xuất phát từ hành động có chủ đích hoặc sơ suất của người bán thì người bán phải gánh chịu mọi trách nhiệm. Ngoài ra, theo quy định của Công ước, mỗi trường hợp sẽ có những nguyên tắc xác định thời điểm chuyển rủi ro khác nhau. Tuy nhiên, các bên cần lưu ý rằng trong hầu hết các trường hợp, Công ước đều yêu cầu về tính đặc định của hàng hóa khi chuyển rủi ro, trừ trường hợp hàng hóa đang trên đường vận chuyển.

Thứ tư, trong mọi trường hợp khi rủi ro đối với hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua thì người mua phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định của hợp đồng. Tuy vậy, nếu người bán có hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng cấu thành vi phạm cơ bản theo quy định tại Điều 25 thì người mua không mất quyền áp dụng các chế tài đối với hành vi vi phạm đó. Cần lưu ý rằng, những vi phạm này không phải là nguyên nhân gây ra những mất mát hoặc hư hỏng đối với hàng hóa.

Thứ năm, về góc độ doanh nghiệp, cần nắm bắt các quy định cụ thể đối với việc chuyển rủi ro theo Công ước Viên 1980 để áp dụng hiệu quả trong quá trình soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng. Đánh giá khả năng thực hiện, khả năng rủi ro khi áp dụng Công ước này để tránh các thiệt hại và các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

Như vậy, có thể thấy, trong các hoạt động thương mại nói chung và thực thi các cam kết trong hợp đồng nói riêng thì xác định thời điểm chuyển rủi ro đối với các bên đóng vai trò hết sức quan trọng. Công ước Viên 1980 và việc áp dụng đối với các thương nhân đòi hỏi sự tiếp cận phù hợp và sự áp dụng trong hợp đồng cần có sự xem xét thận trọng, đánh giá sự trách nhiệm cũng như sự ràng buộc ở các mức độ khác nhau để phòng ngừa các rủi ro, tăng cường sự thiện chí khi thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cụ thể./.